# NGHE VÀ ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

A: 你好，你叫什么名字?

B: 我叫张红，你呢?

A: 我叫玛丽。我是东方大学的留学生。

B: 我的_____是_____关系。你呢?

A: 我是中华大学_____的研究生。我的专业是_____文学。

B: 中华大学在哪儿?

A: 在东方大学的_____边。有空儿的时候，欢迎你_____玩儿。

LIVEWORKSHEETS

# Nghe và điền vào chỗ trống

A: 中村，日本 的 大学 _____几 点上课?

B: 大部分 是八点_____分，我们 学校 是九点。

A: _____点下课?

B: 十点半。

A: 东方大学 早上_____上课， 太 _____ 了。

LIVEWORKSHEETS